

Phụ lục 1
BỘ TIÊU CHUẨN THÍ ĐIỂM ĐỔI MỚI CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRƯỜNG THỰC HIỆN NỘI DUNG GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG CAO, TIỀN TIẾN, HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ
CẤP GIÁO DỤC MẦM NON

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Thực hiện đối với các lớp mẫu giáo (trẻ em từ 3 tuổi đến 6 tuổi), trường được đánh giá đạt Mức 2 trở lên về kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT, đồng thời đảm bảo các tiêu chí sau:

	Tiêu chí	Yêu cầu cần đạt	Minh chứng	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Điều kiện tổ chức và quản lý nhà trường				
1.1	Trường được đánh giá đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục	Trường được đánh giá đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	- Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. - Kế hoạch năm học. - Quyết định thành lập Hội đồng trường, biên bản họp hội đồng trường. - Hồ sơ Chi bộ và các đoàn thể. - Quyết định thành lập các Hội đồng của đơn vị. - Quyết định, bằng khen, giấy khen của cấp có thẩm quyền. - Danh sách CBQL-GV-NV. - Danh sách trẻ theo nhóm, lớp. - Hồ sơ văn bản đến, văn bản đi.	Luật GD 2019; Nghị định số 24/2021/NĐ-CP; Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Thông tư số 144/2017/TT-BTC; Thông tư số 61/2016/TT-BTC; Thông tư số 90/2018/TT-BTC; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

			- Hồ sơ lưu trữ văn bản pháp lý và các loại hồ sơ, sổ sách tài chính, tài sản theo quy định. - Các biểu mẫu công khai theo quy định. - Hồ sơ quản lý các hoạt động giáo dục, chuyên đề. - Hồ sơ thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. - Hồ sơ kiểm tra nội bộ nhà trường. - Đề án vị trí việc làm. - Biên bản kiểm tra, đánh giá của các đoàn công tác thực hiện kiểm tra, giám sát các nội dung có liên quan. - Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	
1.2	Đổi mới công tác quản lý	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường; có hệ thống phần mềm quản lý nhà trường, quản lý dạy học; liên thông dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành; thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý hồ sơ học vụ và tiếp công dân; trang thông tin điện tử của trường hoạt động thường xuyên, hỗ trợ hiệu quả công tác thông tin và quản lý nhà trường; triển khai	- Kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; báo cáo kết quả thực hiện. - Tên hệ thống phần mềm, kế hoạch thực hiện. - Đường link, số lượng tin bài, quyết định ban biên tập. - Số lượng phòng họp, phần mềm họp.	Quyết định số 131/QĐ-TTg; Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT; Quyết định số 2393/QĐ-UBND; Quyết định số 1411/QĐ-UBND; Kế hoạch số 1273/KH-SGDĐT; Kế hoạch số 1823/KH-SGDĐT.

		có hiệu quả các hệ thống hợp, hội nghị trực tuyến.		
1.3	Số lượng trẻ không quá 30 trẻ/lớp và phù hợp với quy định.	Số lượng trẻ trong các lớp mẫu giáo không vượt quá 30 trẻ/lớp và phù hợp với Điều lệ trường mầm non. Trẻ được phân chia theo đúng độ tuổi.	- Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp đầu cấp. - Báo cáo số liệu học sinh trường, lớp; cơ sở dữ liệu trường, lớp, học sinh. - Hồ sơ cá nhân trẻ.	Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT.
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên				
2.1	Đối với cán bộ quản lý	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị hằng năm theo quy định, được học tập, giao lưu kinh nghiệm trong và ngoài nước. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.	- Danh sách lý lịch trích ngang cán bộ quản lý. - Hồ sơ lưu trữ cá nhân của CBQL về văn bằng, chứng chỉ và cập nhật trên hệ thống phần mềm hồ sơ điện tử. - Hồ sơ, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp cán bộ quản lý.	Luật GD 2019; Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT;
2.2	Đối với giáo viên, nhân viên	Giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng theo quy định;	- Danh sách giáo viên, nhân viên.	Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT; (VTVL);

		100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; trong đó tỷ lệ trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 60%; giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị hàng năm theo quy định; được học tập, giao lưu kinh nghiệm trong và ngoài nước. Có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá và 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.	- Hồ sơ lưu trữ cá nhân của giáo viên, nhân viên về văn bằng, chứng chỉ và cập nhật trên hệ thống phần mềm hồ sơ điện tử. - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng. - Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên. - Các kế hoạch, đề án khác.	Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT (KĐCL); Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT; (BDTX); Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT.
2.3	Giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên	Có ít nhất 80% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường và có giáo viên tham gia giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố.	- Quyết định, danh sách công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, thành phố.	Thông tư số 22/TT-BGDĐT.
2.4	CBQL, giáo viên, nhân viên được đánh giá hàng năm và đạt các danh hiệu thi đua	100% cá nhân được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có ít nhất là 60% hoàn thành khá nhiệm vụ trở lên,	- Danh sách đánh giá viên chức hàng năm. - Quyết định, danh sách công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến.	- Luật Thi đua, Khen thưởng (số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022 của Quốc Hội).

		20% hoàn thành tốt nhiệm vụ. 80% đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trở lên.	- Quyết định danh sách công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, thành phố.	
Tiêu chuẩn 3: cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				
3.1	Khối phòng hành chính quản trị	Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, văn phòng; các phòng có đầy đủ máy móc, thiết bị theo quy định hiện hành, có hệ thống camera, hệ thống mạng internet tốc độ cao phục vụ công tác quản lý; có phòng bảo vệ, phòng vệ sinh, khu đỗ xe cho CB-GV-NV.	- Sổ tài sản cố định, sổ theo dõi công cụ, dụng cụ của trường. - Danh mục trang thiết bị đảm bảo theo quy định. - Bố trí các phòng theo thực tế.	Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.
3.2	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng chức năng	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng chức năng được trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, các trang thiết bị, máy tính, internet phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.	- Sổ tài sản cố định, sổ theo dõi công cụ, dụng cụ của trường, lớp. - Danh mục trang thiết bị đảm bảo theo quy định. - Bố trí các phòng theo thực tế.	- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT (Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học)

3.3	Đáp ứng các tiêu chí của tiêu chuẩn 2 về cơ sở vật chất và hạ tầng số	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của Tiêu chuẩn 2: Cơ sở vật chất và hạ tầng số thuộc Bộ tiêu chuẩn công nhận Trường học số.	- Sổ tài sản cố định, sổ theo dõi công cụ, dụng cụ. - Kế hoạch, hệ thống mạng internet tốc độ cao, thiết bị, học liệu số...	Quyết định 4418/QĐ-UBND
3.4	Có phòng tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh, tin học theo quy định	Có phòng tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh, tin học điện tích tối thiểu theo quy định; có phòng tổ chức hoạt động stem/steam, phòng học thông minh... với thiết bị công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng việc tổ chức các hoạt động cho trẻ.	- Bản vẽ chi tiết mặt bằng cơ sở giáo dục. - Sổ tài sản cố định, sổ theo dõi công cụ, dụng cụ. - Danh mục trang thiết bị.	Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT; Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT.
3.5	Sân chơi, thiết bị, dụng cụ phù hợp theo quy định	Sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp; có cây xanh thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa, tạo bóng mát sân trường; có khu vực vườn cây cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập; có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời	- Bản vẽ chi tiết mặt bằng cơ sở giáo dục. - Kế hoạch hoạt động của trường và các văn bản có liên quan. - Danh mục trang thiết bị.	Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT.

		cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động giáo dục				
4.1	Nhà trường tổ chức các hoạt động chuyên môn, chuyên đề	Nhà trường tổ chức các hoạt động chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ sáng kiến nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; thực hiện các chuyên đề cấp cơ sở và thành phố.	- Kế hoạch tổ chức các hoạt động chuyên môn của trường. - Hồ sơ chuyên đề. - Biên bản sinh hoạt chuyên môn định kỳ, danh sách tham dự. - Hình ảnh, video clip các hoạt động.	Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT; Kế hoạch năm học, chuyên đề của Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo, của nhà trường.
4.2	Vận dụng phương pháp tiên tiến để phát triển chương trình giáo dục mầm non	Phương pháp áp dụng đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị (CSVN, năng lực giáo viên, khả năng của trẻ...) nhằm phát triển chương trình giáo dục mầm non.	- Kế hoạch giáo dục của các lớp, giáo án, hồ sơ dự giờ...	Văn bản hợp nhất số 01/2021/TT-BGDĐT.
4.3	Tổ chức các hoạt động bổ trợ thực hiện và phát triển chương trình.	Tổ chức tối thiểu 02 hoạt động (cho trẻ làm quen tiếng Anh; các môn thể thao phối hợp) trong các nội dung sau: ngoại ngữ, vẽ, bơi, đá bóng, võ thuật, yoga, thể dục nhịp	- Hồ sơ phối hợp với các đơn vị tổ chức cho trẻ LQTA, các môn thể thao phối hợp và các hoạt động khác. - Lịch tổ chức hoạt động.	Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT; Văn bản hợp nhất số 01/2021/TT-BGDĐT.

		điều, các môn Thể thao phối hợp, đàn, múa, kỹ năng sống, vi tính... Tổ chức các hoạt động ngoài nhà trường để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, tối thiểu 2 lần/năm nhằm giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.	- Hồ sơ tổ chức cho trẻ tham quan, trải nghiệm ngoài nhà trường; kế hoạch; hình ảnh minh chứng.	
Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ				
5.1	Trẻ được tổ chức ăn bán trú và bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần.	100% trẻ được tổ chức ăn bán trú; được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, không để xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong trường mầm non.	- Hồ sơ bán trú được thực hiện trên phần mềm (thực đơn, bảng tính KPDD, hồ sơ lưu mẫu, hồ sơ liên kết đơn vị cung cấp thực phẩm...) - Kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn trong nhà trường (phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường; an toàn, phòng, chống ngộ độc thực phẩm; phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy...)	Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT; Văn bản hợp nhất số 01/2021/TT-BGDĐT.
5.2	Trẻ được khám sức khỏe; đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng.	100% trẻ được khám sức khỏe; đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Có biện pháp giảm tỷ lệ trẻ suy	- Hồ sơ tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ (kế hoạch, tổng hợp kết quả, hợp đồng, sổ theo dõi sức khỏe trẻ). - Biểu đồ tăng trưởng đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ được cập nhật chiều cao, cân nặng theo quy định.	Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT; Văn bản hợp nhất số 01/2021/TT-BGDĐT.

		dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ.	- Danh sách theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. - Cập nhật tình trạng sức khỏe trẻ vào cơ sở dữ liệu ngành.	
5.3	Trẻ được tham gia các hoạt động giáo dục và đạt kết quả mong đợi theo lứa tuổi.	Trẻ được tham gia các hoạt động giáo dục và đạt kết quả mong đợi theo lứa tuổi; 100% trẻ được đánh giá sự phát triển theo quy định.	- Hồ sơ đánh giá trẻ theo nhóm, lớp (lứa tuổi) - Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. - Danh sách trẻ hoàn thành chương trình GDMN.	Nghị định số 24/2021/NĐ-CP; Văn bản hợp nhất số 01/2021/TT-BGDĐT; Quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2024